

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH HÀ GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 08/2024/HS-ST
Ngày 29 tháng 5 năm 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH HÀ GIANG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Văn Đàm**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Công Văn**

Ông **Phạm Hồng Việt**

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Nguyễn Thị Dung** - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:** Ông **Lộc Thế Anh** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2024/TLST- HS ngày 19 tháng 4 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2024/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Ly Mí P** (tên gọi khác: Không) - Sinh ngày: 11/3/2000 tại: Thôn HH, xã SP, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nơi cư trú: Thôn HH, xã SP, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; nghề nghiệp: Làm nương; trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Mông; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; căn cước công dân số 002200002005, do Cục Cảnh sát QLHC về TTXH - Bộ Công an cấp ngày 22/5/2023; con ông Ly Chá Tú (sinh năm 1982) và bà Sùng Thị V (sinh năm 1983); có vợ là: Giàng Thị Cho (sinh năm 2000) và 02 con, con lớn sinh năm 2018, con nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Không.

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang chấp hành Quyết định cấm đi khỏi nơi cư trú số: 05/2024/HSST - QĐ ngày 19/4/2024 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- **Người bào chữa cho bị cáo Ly Mí P:** Ông **Nguyễn Minh Hoàng** - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hà Giang. (Có mặt);

- **Bị hại:** Anh **Giàng Mí S1** - Sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn PT, xã SL, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Làm nương. (Có mặt);

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:** Chị **Sùng Thị V** - Sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn HH, xã SP, huyện Đ, tỉnh Hà Giang; Nghề nghiệp: Làm nương. (Có mặt);

- *Người tham gia tố tụng khác:*

Người làm chứng: 1. Chị **Ly Thị M** - Sinh năm 1992; 2. Anh **Giàng Mí S** - Sinh năm 1994; 3. Anh **Vàng Sính P1** - Sinh năm 1989; 4. Ông **Vừ Mí G** - Sinh năm 1968.

Có mặt anh Giàng Mí S, anh Vàng Sính P1. Vắng mặt chị Ly Thị M, ông Vừ Mí G, có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người phiên dịch tiếng Mông: Anh **Mua Mí Chá** - Sinh năm 2003; địa chỉ: Tổ 6, thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Hà Giang. (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ 40 phút ngày 30/01/2024, Ly Mí P một mình điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 23N1-097.21, mang theo 250.000 đồng đi từ nhà đi sang ngã tư thôn SN, xã SL, huyện Đ để mua xi măng về xây nhà. Đi được khoảng 10 phút thì P nhìn thấy Giàng Mí S1 điều khiển xe mô tô (*không rõ biển kiểm soát*) chở theo con trai là Giàng Mí Ch đi về phía trung tâm xã SL. P đi theo xe của S1 khoảng 200m thì nghĩ rằng lúc này nhà S1 sẽ không có ai ở nhà. P nảy sinh ý định đến nhà S1 để trộm cắp tài sản. P tiếp tục đi theo S1 qua Điểm trường mầm non thôn SN khoảng 30 mét thì quay đầu xe, đi về nhà S1. Đến khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày, P về đến trước cửa nhà S1. P đỗ xe, gạt chân chống, quay đầu xe hướng về xã SL, không rút chìa khóa xe, không tắt máy. P vẫn đội mũ bảo hiểm, đeo găng tay và khẩu trang đi bộ tiến đến cổng nhà S1 thì thấy hai cánh cổng đang đóng, không cài then, không khoá. P sợ có người ở bên trong nhà, nên P gọi to: "*Bác S1 ơi! Có nhà không?*", nhưng không có ai thưa. Sau đó, P đẩy cánh cổng bên phải, hướng từ bên ngoài nhìn vào, P đi vào bên trong sân vừa đi vừa gọi "*Bác S1 ơi! Có nhà không?*", vẫn không thấy ai thưa. P tiến về phía trước cửa chính, sử dụng tay trái đẩy mở cánh cửa bên trái, hướng cửa từ bên ngoài vào rồi đi vào trong nhà, bóng điện trong nhà vẫn đang sáng. P tiến đến chiếc tủ bên trái từ cửa vào rồi tìm kiếm hai ngăn tủ ở giữa nhưng không có tài sản. Sau đó, P sử dụng tay phải kéo mở cánh tủ phía trên, bên phải theo hướng từ bên ngoài nhìn vào. P thấy quần áo và 01 chiếc túi có dây đeo, màu đen - nâu - xám, nhiều kẻ ô vuông được đặt ở trên cùng. P lấy chiếc túi ra khỏi ngăn tủ, dùng tay phải kéo mở séc khoá các ngăn túi. P thấy ở ngăn túi to nhất bên trong có 01 tệp tiền được buộc bằng vòng dây cao su màu vàng. P dùng tay phải lấy tệp tiền ra khỏi túi thì thấy tệp tiền gồm có mệnh giá 10.000 đồng và 20.000 đồng. P dùng tay phải cất tệp tiền vào túi quần bỏ phía sau, bên phải, còn một số tiền lẻ gồm có mệnh giá 1.000 đồng; 2.000 đồng; 5.000 đồng, không buộc thành tệp, P không lấy. Sau đó, P dùng tay phải kéo séc khoá mở tiếp 01 ngăn ở mặt sau của túi, bên trong có 02 tệp tiền, đều được buộc bằng vòng dây cao su màu vàng. P sử dụng tay phải lấy hai tệp tiền này, trong đó 01 tệp có mệnh giá từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng, 01 tệp có mệnh giá từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng. P sử dụng tay phải cất 02 tệp tiền này vào túi quần bỏ phía sau, bên trái. Sau khi cất tiền vào túi quần, P

không kéo khóa của túi lại và để chiếc túi vào vị trí cũ, rồi đóng cánh tủ lại. Lúc này, khoảng 07 giờ 05 phút cùng ngày, P bước đi ra cổng nhà S1 mà không đóng cửa nhà chính lại. Khi P đi ra gần đến cổng thì thấy S1 một mình điều khiển xe về và dừng lại ở lối lên cổng, P nói với S1: “*Cháu gọi mà không có ai ở nhà, cháu đến xem bò nhà bác bán không*”, S1 nói: “*Bò nhà ông đang bé, để nuôi một thời gian nữa*”. S1 mời P vào nhà uống nước, P nói đang vội đi chở xi măng về nhà nên không vào và điều khiển xe P đi về hướng xã SL. Khi đi đến đoạn đường cách nhà S1 khoảng 300 mét, P điều khiển xe về phía tay trái, dừng xe lấy tệp tiền có mệnh giá 10.000 đồng và 20.000 đồng ra đếm thì thấy được 1.940.000 đồng, rồi tiếp tục điều khiển xe về hướng xã SL. Đến khoảng 07 giờ 10 phút, P đi đến quán tạp hóa A Sò gặp chị Ly Thị M để đổi tiền, P nói với chị M là muốn đổi 1.900.000 đồng lấy tiền chẵn. M kiểm tra tại cửa hàng chỉ còn 1.700.000 đồng tiền chẵn nên đổi số tiền này cho P. Sau khi đổi tiền xong, P điều khiển xe đến nhà Giàng Mí S ở thôn Tả Lũng, xã Sảng Tung, huyện Đ để trả nợ tiền đã mua xi măng trước đó. Khi đến nhà S, P kiểm tra thấy tệp tiền 240.000 đồng để ở túi quần phía sau, bên phải đã bị rơi mất. P lấy hai tệp tiền trong túi quần phía sau bên trái ra lấy tệp có mệnh giá từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng ra đếm được 5.500.000 đồng rồi cất vào túi quần phía sau bên phải, còn tệp có mệnh giá từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng P không đếm, cho vào túi quần phía sau bên trái. Khi gặp S, P lấy số tiền 400.000 đồng (gồm 04 tờ có mệnh giá 50.000 đồng và 02 tờ có mệnh giá 100.000 đồng) nằm trong tệp 5.500.000 đồng ở túi quần phía sau bên phải trả nợ cho S. Sau đó, P đưa cho S số tiền 5.000.000 đồng gồm các mệnh giá từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng để nhờ S giúp P trả nợ số tiền trước đó P đã vay của Vàng Sính P1, sinh năm 1989, trú tại thôn PX, xã SL1, huyện Đ để trả tiền mua bò (*P không nói cho S biết số tiền này là do P trộm cắp mà có*). Sau khi đưa tiền cho S xong còn lại 100.000 đồng P cất vào trong ví da cùng số tiền 1.700.000 đồng P đổi trước đó rồi ra về. Đến 07 giờ 45 phút cùng ngày, P điều khiển xe đến nhà Vừ Mí G ở thôn SN, xã SL, dùng tiền của mình đã mang theo trước đó để mua 03 bao xi măng với giá tiền là 240.000 đồng. Đến khoảng 08 giờ 00 phút cùng ngày, khi đi qua trụ sở thôn HH, xã SP, huyện Đ khoảng 100m, P nhìn thấy 01 túi nilon màu xanh, gần cột điện, P nảy sinh ý định cất giấu số tiền trộm cắp được còn lại. P dừng xe, lấy tệp tiền có mệnh giá từ 100.000 đồng đến 500.000 đồng, nhét túi nilon màu xanh cuốn tệp tiền. Sau đó, đi bộ khoảng 10m đến khe đá ở taluy dương, bên phải đường bê tông, nhét túi nilon chứa tệp tiền vào khe đá rồi đi về nhà. Về đến nhà khoảng 08 giờ 05 phút cùng ngày.

Hồi 11 giờ 05 phút ngày 30/01/2024, sau khi phát hiện gia đình bị mất trộm số tiền khoảng 17.500.000 đồng, anh Giàng Mí S1 đã đến Công an xã SL để trình báo. Hồi 18 giờ 00 phút, ngày 31/01/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Đ lập biên bản tiếp nhận người phạm tội ra đầu thú đối với Ly Mí P về hành vi trộm cắp tài sản.

Ngày 01/02/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang tiến hành truy tìm vật chứng và tiến hành thu giữ 01 túi nilon, bên trong có chứa 01 tệp tiền được buộc bằng vòng dây cao su màu vàng, gồm các tờ tiền

có mệnh giá 100.000 đồng, 200.000 đồng và 500.000 đồng, tổng số tiền là 10.500.000 đồng; thu giữ của Ly Mí P 1.800.000 đồng; thu giữ của anh Giàng Mí S 400.000 đồng; thu giữ của anh Vàng Sính P1 5.000.000 đồng. Tổng tiền thu giữ được là 17.700.000 đồng.

Ngày 03/02/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ ban hành quyết định truy tìm vật số: 01/QĐ-TT, truy tìm vật chứng trong vụ án hình sự bao gồm: 24 tờ tiền Việt Nam mệnh giá 10.000 đồng; 01 vòng dây bằng cao su, màu vàng. Hiện nay vẫn chưa truy tìm được số vật chứng trên.

Tổng số tiền bị cáo Ly Mí P trộm cắp là 17.940.000 đồng

Căn cứ vào Quyết định trưng cầu giám định của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, bản kết luận giám định số: 111/KL-KTHS ngày 05/3/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hà Giang, kết luận: Tổng số 104 tờ tiền Việt Nam đồng gửi giám định đều là tiền thật.

Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Tại bản Cáo trạng số: 07/CT-VKSĐV ngày 19/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Hà Giang đã truy tố bị cáo Ly Mí P về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bị cáo Ly Mí P phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ khoản 1 Điều 173; Điều 38; Điều 50; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự để xử phạt bị cáo từ 12 đến 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Do bị cáo điều kiện kinh tế khó khăn, không có thu nhập ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại Giàng Mí S1 số tiền 8.000.000 đồng, nay bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên không đề nghị xem xét. Về vật chứng: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để trả lại ngay chiếc xe mô tô biển kiểm soát 23N1-097.21 (kèm theo chìa khóa và giấy chứng nhận đăng ký xe) cho chị Sùng Thị V; áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; các điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng. Về án phí, do bị cáo là người dân tộc thiểu số, hiện đang sống ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin miễn án phí nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như đã nêu trong bản cáo trạng. Lời nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai của những người làm chứng; kết luận giám định, biên bản khám nghiệm hiện trường, sơ đồ và bản ảnh thực nghiệm điều tra cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

Bị hại Giàng Mí S1 có ý kiến: Toàn bộ số tiền gia đình ông bị trộm cắp là

17.940.000 đồng, nay đã được thu giữ và trả lại số tiền 17.700.000 đồng cho gia đình ông. Bị cáo cũng đã bồi thường cho ông số tiền 8.000.000 đồng (trong đó bao gồm cả số tiền 240.000 đồng bị cáo đã làm rơi, không thu giữ được). Nay ông không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, đề nghị Hội đồng xét xử xử lý bị cáo theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Sùng Thị V có ý kiến: Bà là mẹ bị cáo, bà không biết việc bị cáo sử dụng xe là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của bà đi trộm cắp tài sản, nay bà đề nghị xin lại chiếc xe máy nói trên để phục vụ nhu cầu sinh hoạt của gia đình.

Tại phần tranh luận, bị cáo nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên. Ông Nguyễn Minh Hoàng - Trợ giúp viên pháp lý, bào chữa cho bị cáo Ly Mí P có quan điểm: Nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và mức hình phạt đã đề cập áp dụng đối với bị cáo. Tuy nhiên, bị cáo P hiện nay hoàn cảnh rất khó khăn, vợ chồng bị cáo đang nuôi hai con nhỏ. Từ đó, đề nghị Hội đồng xét xử quyết định mức hình phạt ở mức thấp nhất đối với bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng và án phí: Nhất trí với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

Bị cáo nhất trí với lời bào chữa của Trợ giúp viên, không bổ sung lời bào chữa. Khi nói lời sau cùng, bị cáo tỏ rõ sự ăn năn hối cải, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án nhất trí lời luận tội của Kiểm sát viên, không có ý kiến tranh luận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra huyện Đ, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người làm chứng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được rằng quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ, ai xâm phạm sẽ bị pháp luật nghiêm trị. Tuy nhiên, chỉ vì muốn có tiền tiêu xài cá nhân nên khoảng 07 giờ 00 phút ngày 30/01/2024, tại thôn P Tò, xã SL, huyện Đ, bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 17.940.000 đồng của ông Giàng Mí S1. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy, cần chấp nhận toàn bộ quan

điểm luận tội của Kiểm sát viên và có cơ sở để kết luận: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ truy tố đối với bị cáo Ly Mí P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Khoản 1 Điều 173 của BLHS quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác có trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm ...”*

[4] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của người khác được Nhà nước ghi nhận, pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần xử phạt bị cáo mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của bị cáo gây ra

[5] Tuy nhiên, bị cáo có nhân thân tốt, sau khi sự việc xảy ra, bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho bị hại số tiền 8.000.000 đồng; bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; bị cáo thực hiện việc đầu thú; bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Do vậy, cần cho bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[6] Căn cứ vào nhân thân của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trên cơ sở cân nhắc đầy đủ và toàn diện tính chất và mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nơi cư trú rõ ràng, việc không buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù cũng không gây ảnh hưởng xấu tới công cuộc phòng chống tội phạm. Do vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, quyết định cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định một khoảng thời gian thử thách đối với bị cáo; giao bị cáo về chính quyền địa phương nơi bị cáo cư trú giám Sát, giáo dục trong thời gian thử thách cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân lương thiện, có ích cho xã hội theo quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự.

[7] Xét thấy, bị cáo thuộc đối tượng là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế đặc biệt khó khăn, thu nhập không ổn định nên không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, giải quyết vụ án bị cáo Ly Mí P đã tự nguyện khắc phục hậu quả cho bị hại Giàng Mí S1 số tiền 8.000.000 đồng (trong đó bao gồm cả số tiền 240.000 đồng bị cáo làm rơi không tìm thấy), nay bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[9] Đối với 01 chiếc xe mô tô biển số đăng ký: 23N1-097.21 (kèm 01 chìa khoá xe máy; 01 chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy) là tài sản thuộc quyền ở hữu hợp pháp của bà Sùng Thị V, bà V không biết bị cáo sử dụng chiếc xe vào

việc trộm cắp tài sản. Nay bà có ý kiến xin lại chiếc xe để làm phương tiện phục vụ sinh hoạt thiết yếu hàng ngày của gia đình. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự để trả lại ngay chiếc xe cho bà V.

[10] Đối với vật chứng là 01 chiếc túi xách dạng túi da màu đen; 01 mũ bảo hiểm; 01 áo dài tay dạng áo da; 01 quần bò dài; 01 đôi dép tổ ong; 01 đôi găng tay; 01 chiếc ví dạng da màu nâu; 01 túi nilon; 02 chiếc dây cao su; 01 phong bì niêm phong kín là các vật chứng đều đã cũ, không còn giá trị nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[11] Đối với số tiền 17.700.000 đồng đã thu giữ là tài sản bị cáo đã chiếm đoạt của ông Giàng Mí S1. Ngày 27/3/2024 bị hại Giàng Mí S1 có đơn xin lại số tiền trên. Ngày 28/3/2024 Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại cho ông Giàng Mí S1 số tiền trên. Xét việc xử lý vật chứng như trên không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án và phù hợp với các quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết nữa.

[12] Về án phí: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn xin được miễn án phí nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án để miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[13] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Ly Mí P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Hình phạt: Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; các điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38; khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo Ly Mí P 12 (mười hai) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (hai mươi bốn) tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã SP, huyện Đ, tỉnh Hà Giang giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

3. Về vật chứng:

3.1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy các vật chứng không còn giá trị sử dụng, gồm:

- 01 chiếc túi xách dạng túi da, màu đen - nâu - xám (*kích thước 0,23m x 0,15m x 0,07m*), quai đeo của chiếc túi bằng vải màu nâu (*kích thước dài 1m*), trên túi có dính mảnh kim loại, được dập chữ chìm Captuiphilong.com. Chiếc túi có 04 ngăn, đóng mở bằng khoá kéo. Bên trong không chứa đồ vật gì. Chiếc túi được niêm phong kín trong 01 túi niêm phong chuyên dụng, mang mã số NS1 2125442, trên túi có ghi tên vụ: “*Trộm cắp tài sản, xảy ra ngày 30/01/2024, tại thôn PT, xã SL*” và có đầy đủ chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong;

- 01 túi nilon màu xanh;

- 02 chiếc dây cao su màu vàng (*loại dây nịt buộc tiền*);

- 01 túi niêm phong kín bằng nilon trong suốt, ở 02 đầu của túi niêm phong được buộc, cuốn bằng 02 dải băng dính trong suốt, dính kèm 02 mảnh giấy niêm phong thể hiện đầy đủ chữ ký, chữ viết của các thành phần tham gia niêm phong và có 03 dấu tròn đỏ của Cơ quan CSĐT Công an huyện Đ, tỉnh Hà Giang;

- 01 mũ bảo hiểm màu vàng, có lưới ngăn màu đen, phía trước mũ có in tượng hình màu đỏ, đen, trắng. Chính giữa, phía sau mũ bị nứt vỡ một đường kéo dài đến đỉnh mũ. Mũ đã cũ, đã qua sử dụng;

- 01 áo dài tay dạng áo da màu đen, toàn bộ áo có nhiều vết bong chóc, áo đã cũ, đã qua sử dụng;

- 01 quần bò dài, màu đen - xám, quần đã cũ, đã qua sử dụng;

- 01 đôi dép tổ ong màu vàng, đã cũ, đã qua sử dụng; trên hai chiếc dép có nhiều vết rách cũ và bám dính nhiều bùn đất;

- 01 đôi găng tay màu đen, đã cũ, đã qua sử dụng;

- 01 chiếc ví dạng da màu nâu hình chữ nhật, phía trước in chìm chữ “GUCCI”, ví đã cũ, đã qua sử dụng, toàn bộ ví có nhiều vết bong chóc

3.2. Căn cứ vào khoản 2 Điều 47 Bộ luật hình sự; điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự: Trả lại ngay cho bà Sùng Thị V (Sinh năm 1983; địa chỉ: Thôn HH, xã SP, huyện Đ, tỉnh Hà Giang) 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Wave, màu sơn: Trắng - đen - bạc, biển số đăng ký: 23N1-097.21; số máy: JA39E0225206; số khung: 3902HY225832. Xe đã cũ, đã qua sử dụng; trên xe có nhiều vết trầy xước, mất sơn. Kiểm tra bên trong cốp xe không phát hiện đồ vật, tài sản gì. Không kiểm tra tình trạng hoạt động (*kèm theo xe là 01 chìa khoá xe máy và 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 005509, do Công an huyện Đ cấp ngày 05/12/2017*);

(Chi tiết vật chứng được mô tả trong Biên bản giao, nhận vật chứng lập hồi 10 giờ 00 phút ngày 19/4/2024 giữa Công an huyện Đ và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ).

4. Án phí: Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Ly Mí P.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331 và Điều 333 của Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo trong hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

6. Về điều kiện thi hành án: *Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.*

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- CQCSĐT Công an huyện Đ;
- Hồ sơ nghiệp vụ Công an huyện Đ;
- CQTHAHS Công an huyện;
- Bị cáo; người bào chữa;
- Bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Sở tư pháp tỉnh Hà Giang;
- Hồ sơ thahs;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án, vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Đàm